

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN HÀ TRUNG  
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số : 46/2022/HNG -ST

Ngày: 29-9-2022

V/v: Tranh chấp ly hôn, nuôi con

**NHÂN DANH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÀ TRUNG, TỈNH THANH HÓA**

**Vì thành phần Hội xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* bà Trần Thanh Hương

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. bà Nguyễn Thị Liên;

2. bà Nguyễn Thị Chung.

**Thẩm ký phiên tòa:** bà Lê Minh Anh - Thẩm ký Tòa án nhân dân huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa.

**Viện kiểm sát nhân dân huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa:** bà Doãn Thị Luyến - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2022, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Hà Trung, xét xử công khai sơ thẩm vụ án thụ lý số 91/2022/TLST-HNG ngày 07 tháng 7 năm 2022 về “Tranh chấp ly hôn và nuôi con”, theo Quyết định của vụ án ra xét xử số 42/2022/Q. XXST-HNG ngày 30 tháng 8 năm 2022 giữa các đương sự :

1. *Nguyên đơn:* Ch. Phạm Thị D, sinh năm 1990.

Địa chỉ : Thôn S, xã H, huyện H, tỉnh T, vùng miền t.

2. *Bên bị:* Anh Lê Văn L, sinh năm 1987.

Địa chỉ : Thôn S, xã H, huyện H, tỉnh T, vùng miền t.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Trong phiên họp đầu tiên ngày 09/6/2022 và trong quá trình ghi lời quy định vụ án, nguyên đơn là Ch. Phạm Thị D trình bày: Ch. và anh Lê Văn L từng yêu nhau và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện H, tỉnh T ngày 08/02/2010. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống nên từng xuyên cãi vã nhau. Do không thể chung sống nên Ch. và anh L đã sống ly thân từ năm 2015 cho đến nay. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, Ch. D yêu cầu Tòa án ghi lời quy định cho Ch. ly hôn anh Lê Văn L.

V con chung: Ch D khai, v ch ng có 01 con chung, cháu tên là Lê Hà V, sinh ngày 20/10/2010. Hi n cháu V ang v i ch D, ch D ngh c tr c ti p nuôi d ng cháu Hà V, không yêu c u anh L ph i c p d ng nuôi con chung cùng ch , hi n nay ch ang làm công nhân thu nh p hàng tháng kho ng 8 tri u n 9 tri u ng.

V tài s n: Ch Ph m Th D không yêu c u Tòa án gi i quy t.

Toà án ã tri u t p h p l anh Lê V n L n Toà án vi t b n khai nh ng anh L không có m t mà không có lý do nên không có b n khai c a anh L.

T i phiên tòa, nguyên n gi nguyên yêu c u kh i ki n. Ki m sát viên tham gia phiên tòa phát bi u quan i m: Quá trình nh n n kh i ki n, th lý, gi i quy t và quy t nh a v án ra xét x và t i phiên tòa, Th m phán, H i ng xét x và Th ký ã ch p hành úng theo quy nh c a B lu t t t ng dân s . ng s ã c th c hi n các quy n c a mình theo quy nh c a B lu t t t ng dân s . Ch D ngh Toà án gi i quy t cho ly hôn v i anh L và c tr c ti p nuôi d ng cháu Hà V là phù h p v i quy nh t i i u 56; i u 81, i u 82, i u 83 và kho n 1, i u 88 Lu t hôn nhân và gia ình, ngh H i ng xét x ch p nh n yêu c u c a ch D. Ghi nh n s t nguy n c a ch D v i c không yêu c u anh L ph i c p d ng nuôi con chung cùng ch .

#### **NH N NH C A TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên c u các tài li u, ch ng c ã c xem xét t i phiên tòa, k t qu tranh t ng t i phiên tòa, H i ng xét x nh n nh:

[1]. V t t ng: Anh Lê V n L ã c tri u t p h p l l n th hai n Tòa án tham gia phiên hòa gi i nh ng anh L không có m t mà không có lý do nên Tòa án không ti n hành hoà gi i c v án. Anh L c ng ã c Tòa án tri u t p h p l l n l n th hai tham gia phiên tòa nh ng v n không có m t, ch D v ng m t t i phiên tòa nh ng ã có n ngh xét x v ng m t, vì v y H i ng xét x quy t nh xét x v ng m t ch D và anh L là phù h p v i quy nh t i kho n 2, i u 227, i u 228 c a B lu t t t ng dân s .

[2]. V hôn nhân: Ch Ph m Th D và anh Lê V n L k t hôn trên c s t nguy n, có ng ký k t hôn, nh v y là hôn nhân h p pháp. Theo ch D, quá trình chung s ng v ch ng phát sinh mâu thu n, nguyên nhân là do v ch ng b t ng quan i m s ng nên th ng xuyên cãi, ch i nhau. K t qu xác minh ngày 01/8/2022 có xác nh n c a y ban nhân dân xã H c ng cho th y, quá trình chung s ng gi a ch D và anh L phát sinh nhi u mâu thu n nguyên nhân là do anh L ch i b i và v ch ng nghi k l n nhau, d n n v ch ng s ng ly thân t n m 2015 cho n nay. Nh v y trong cu c s ng v ch ng gi a ch D và anh L luôn x y ra mâu thu n, xung t, m t th i gian dài v ch ng s ng ly thân và không còn quan tâm

n nhau, chỉ nghĩ tới sự chung và chung đã thất bại, mà chỉ hôn nhân không tốt. Do đó, cần có khoản 1, điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 ghi quy định cho chế độ ly hôn anh L là phù hợp.

[3]. Về con chung: Chế độ khai, về chung có 01 con chung, cháu tên là Lê Hà V, sinh ngày 20/10/2010, chế độ cần xuất trình cho Tòa án bản sao giấy khai sinh của cháu Hà V, trong giấy khai sinh thể hiện cháu Hà V là con chung của chế độ và anh L. Mặt khác, cháu Hà V được sinh ra trong thời kỳ hôn nhân nên cần khẳng định cháu Hà V là con chung của chế độ và anh L. Thời điểm về chung sống ly thân, cháu Hà V do chế độ trực tiếp nuôi dưỡng, cháu Hà V được có quyền và nghĩa vụ về chế độ và chế độ. Tránh xáo trộn về tâm lý của người vì chế độ trực tiếp cháu, do đó, giao cháu Hà V cho chế độ trực tiếp nuôi dưỡng, ghi nhận sự đồng ý của chế độ và chế độ không yêu cầu anh L phải đồng ý nuôi con chung cùng chế độ.

[4]. Về tài sản: Chế độ Phạm Thị D không yêu cầu Tòa án ghi quy định, nên miễn xét.

[5]. Về án phí: Chế độ Phạm Thị D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lý do trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Cần có khoản 1, điều 56; điều 81, điều 82, điều 83 và khoản 1, điều 88 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Điều 6; khoản 5, điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chế độ Phạm Thị D và anh Lê Văn L.

2. Về con chung: Công nhận cháu Lê Hà V, sinh ngày 20/10/2010 là con chung của chế độ và anh L. Giao cháu Hà V cho chế độ trực tiếp nuôi dưỡng, anh L không phải đồng ý nuôi con chung cùng chế độ.

Anh L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai cản trở. Anh L không có lợi ích gì về thăm nom con nên không có quyền gây nhút nhát về quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con của chế độ.

3. Về án phí: Chế độ Phạm Thị D phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân như được trích vào sổ tài khoản án phí 300.000 (Ba trăm nghìn đồng) của chế độ đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2021/0004345 ngày 07/7/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hà Trung. Chế độ đã nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Chế độ Phạm Thị D, anh Lê Văn L có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án có thẩm quyền.

Trình hợp báo án của thi hành theo điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án Dân sự; thi hành án của thẩm phán theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

**Nội dung:**

- Người;
- VKSND huyện Hà Trung;
- Cơ quan đã thẩm định vì công ký kết hôn;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hà Trung;
- Luật sư tư vấn

**T/M. H I NG XÉT X S TH M  
Thẩm phán - Chánh phiên tòa**

**Trình Thanh Hằng**